

TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP LÊN DÒNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỪ SINGAPORE VÀO VIỆT NAM TRONG NGÀNH CHẾ BIẾN CHẾ TẠO

Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền* - Lê Diệu Linh** - Nguyễn Mạnh Duy***

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được kỳ vọng tạo ra những thay đổi mang tính cấu trúc đối với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các nước thành viên. Nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của CPTPP lên dòng vốn FDI từ Singapore vào ngành chế biến chế tạo của Việt Nam trong giai đoạn 2019-2023. Bằng cách tổng hợp và phân tích dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo chính thức, các nghiên cứu trước và thông tin từ các tổ chức uy tín, bài viết làm rõ những chuyển biến về quy mô, cơ cấu và chất lượng FDI. Kết quả cho thấy CPTPP đã góp phần thúc đẩy đáng kể dòng vốn FDI từ Singapore, với sự gia tăng về tổng vốn đăng ký, sự dịch chuyển sang các ngành có giá trị gia tăng cao hơn và hàm lượng công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với các thách thức liên quan đến rào cản kỹ thuật, năng lực hấp thụ công nghệ và hạ tầng. Nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm tối ưu hóa lợi ích từ CPTPP, thúc đẩy phát triển bền vững ngành chế biến chế tạo.

• Từ khóa: CPTPP, FDI, Singapore, Việt Nam, ngành chế biến chế tạo.

The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) is expected to create structural changes in foreign direct investment (FDI) flows into member countries. This study focuses on analyzing the impact of CPTPP on FDI flows from Singapore to Vietnam's manufacturing industry in the period 2019-2023. By synthesizing and analyzing secondary data from official reports, previous studies, and information from reputable organizations, the article clarifies the changes in the scale, structure, and quality of FDI. The results show that CPTPP has significantly promoted FDI flows from Singapore, with an increase in total registered capital, a shift to industries with higher value-added and advanced technology content. However, Vietnam also faces challenges related to technical barriers, technology absorption capacity and infrastructure. The study proposes policy recommendations to optimize benefits from CPTPP, promote sustainable development of the manufacturing industry.

• Key words: CPTPP, FDI, Singapore, Vietnam, manufacturing industry.

Ngày gửi bài: 20/12/2024

Ngày gửi phản biện: 28/01/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 16/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 02/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i291.23>

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển kinh tế của nhiều quốc gia, đặc biệt

là các nước đang phát triển như Việt Nam. FDI không chỉ là nguồn vốn quan trọng mà còn mang lại công nghệ, kinh nghiệm quản lý, cơ hội việc làm và thúc đẩy xuất khẩu. Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), được coi là công cụ hữu hiệu để thu hút FDI chất lượng cao thông qua việc tạo lập một môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch và có tính dự đoán cao (xem Trần Sơn (2024)).

Ngành chế biến chế tạo luôn là trụ cột của nền kinh tế Việt Nam, đóng góp lớn vào GDP, giá trị xuất khẩu và tạo việc làm. Việc thu hút FDI vào lĩnh vực này, đặc biệt là các dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có khả năng lan tỏa, là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam. Singapore, với vị thế là một trung tâm tài chính, thương mại và công nghệ hàng đầu khu vực và thế giới, luôn là một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất và quan trọng nhất tại Việt Nam. Mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước càng làm tăng thêm tiềm năng hợp tác đầu tư, đặc biệt khi cả hai cùng là thành viên tích cực của CPTPP (UNCTAD, 2006).

Hiệp định CPTPP, chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ tháng 1 năm 2019, đã mở ra một chương mới cho hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Với các cam kết sâu rộng về mở cửa thị trường, bảo hộ đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động và môi trường, CPTPP được kỳ vọng sẽ tạo ra một

* Học viện Tài chính; email: huyennntt@hvtc.edu.vn

** Công ty TNHH thiết bị điện Dũng Hoan

“cú hích” mạnh mẽ, thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, trong đó có nguồn vốn từ Singapore, vào ngành chế biến chế tạo Việt Nam. Sự dịch chuyển chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng khu vực trong bối cảnh CPTPP càng làm nổi bật tầm quan trọng của việc nghiên cứu tác động này. Dữ liệu sơ bộ cho thấy từ năm 2019 đến 2023, vốn FDI đăng ký từ Singapore vào lĩnh vực chế biến chế tạo đã tăng 54%, đạt 7.7 tỷ USD vào năm 2023 (xem Statista (2024) và Vietcetera (2023)), phản ánh những chuyển biến tích cực ban đầu.

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào dòng vốn FDI từ Singapore vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo của Việt Nam, trong khoảng thời gian từ khi CPTPP có hiệu lực (2019) đến năm 2023, dựa trên các dữ liệu và thông tin sẵn có. Nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam trong việc điều chỉnh và hoàn thiện chính sách thu hút FDI, đồng thời giúp các doanh nghiệp nhận diện cơ hội và thách thức trong bối cảnh hội nhập CPTPP.

Bài viết được cấu trúc thành các phần chính: sau phần Giới thiệu là Tổng quan nghiên cứu, Phân tích và Thảo luận, Thách thức và Hạn chế, và cuối cùng là Khuyến nghị chính sách.

2. Tổng quan nghiên cứu

Dunning (1977) thảo luận về những cách thức mà sản xuất được tài trợ bởi đầu tư trực tiếp nước ngoài, tức là do các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) thực hiện, đã ảnh hưởng đến suy nghĩ của chúng ta về việc phân bổ nguồn lực quốc tế và trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia. Phân tích này lấy sự hội tụ ngày càng tăng giữa các lý thuyết về thương mại và sản xuất quốc tế làm điểm khởi đầu, và lập luận cho trường hợp tiếp cận tích hợp đối với sự tham gia kinh tế quốc tế, dựa trên cả nguồn lực cụ thể theo địa điểm của các quốc gia và nguồn lực cụ thể theo quyền sở hữu của các doanh nghiệp. Khi theo đuổi cách tiếp cận này, bài báo đưa ra lời giải thích có hệ thống về các hoạt động ở nước ngoài của các doanh nghiệp, xét về khả năng nội địa hóa thị trường theo hướng có lợi cho họ. Bài báo kết thúc bằng một cuộc kiểm tra ngắn gọn về một số tác động mà MNE được cho là có đối với việc phân bổ nguồn lực theo không gian và đối với các mô hình thương mại giữa các quốc gia. Trong đó, khẳng định tác động tích cực của các FTA đối với FDI. Các phân tích chi tiết được tiếp tục thực hiện trong Baldwin (1993) và

Dunning & Lundan (2008). Đối với Việt Nam, các nghiên cứu của CIEM (2019) và Ngân hàng Thế giới (2018) cũng nhấn mạnh tiềm năng của CPTPP trong việc thúc đẩy cải cách thể chế và thu hút FDI chất lượng cao, đặc biệt vào các ngành có lợi thế cạnh tranh.

Các nghiên cứu thực nghiệm có thể kể đến Gounder và cộng sự (2019). Các tác giả sử dụng dữ liệu bảng về cổ phiếu FDI song phương từ 34 quốc gia OECD vào 45 quốc gia ACP trong giai đoạn 2000-2017 để xem xét vai trò của PTA trong việc thu hút FDI. Các tác giả nghiên cứu các chính sách liên quan đến thương mại, thuế và đầu tư, cùng với các biến giải thích khác. Các kết quả thực nghiệm cho thấy sự phổ biến của FDI tìm kiếm thị trường trong khu vực ACP, với vai trò của hội nhập khu vực trong việc tiếp cận tiềm năng thị trường xung quanh. Các tác giả không tìm thấy tác động đáng kể nào của PTA đối với FDI ở vùng Caribe, trong khi ở Châu Phi, các tác động phụ thuộc vào sự hiện diện của BIT song phương.

Petri & Plummer (2016) ước tính tác động kinh tế của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) bằng cách sử dụng mô hình thương mại định lượng toàn diện. Các ước tính mới cho thấy TPP sẽ làm tăng thu nhập thực tế hàng năm tại Hoa Kỳ thêm 131 tỷ đô la, hoặc 0,5 phần trăm GDP và xuất khẩu hàng năm thêm 357 tỷ đô la, hoặc 9,1 phần trăm xuất khẩu, so với dự báo cơ sở vào năm 2030, khi thỏa thuận gần như được thực hiện đầy đủ. Thu nhập hàng năm tăng thêm vào năm 2030 sẽ là 492 tỷ đô la cho thế giới. Trong khi Hoa Kỳ sẽ là bên hưởng lợi lớn nhất từ TPP theo nghĩa tuyệt đối, thì thỏa thuận này cũng sẽ tạo ra lợi nhuận đáng kể cho Nhật Bản, Malaysia và Việt Nam, cũng như các lợi ích vững chắc cho các thành viên khác. Thỏa thuận này sẽ làm tăng lương ở Hoa Kỳ nhưng không được dự đoán sẽ thay đổi mức độ việc làm của Hoa Kỳ; nó sẽ làm tăng nhẹ “sự xáo trộn việc làm” (sự dịch chuyển việc làm giữa các công ty) và áp đặt chi phí điều chỉnh cho một số người lao động.

Đối với nghiên cứu trường hợp của Việt Nam, Tran Thi Mai Thanh và cộng sự (2024) trình bày một phân tích so sánh toàn diện về tác động của hai Hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng - Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) - đối với ngành dệt may Việt Nam. Các phát hiện cho thấy CPTPP có ảnh hưởng đáng kể hơn đến xuất

khẩu dệt may của Việt Nam so với EVFTA. Điều này chủ yếu là do CPTPP có khả năng tiếp cận thị trường toàn diện hơn và lịch trình cắt giảm thuế quan có lợi hơn, giúp tăng đáng kể tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam tại các thị trường trọng điểm như Canada, Nhật Bản và Mexico.

Về mối quan hệ đầu tư Việt Nam - Singapore, Singapore luôn là một trong những nhà đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây (ví dụ, ISEAS, 2020) thường chỉ ra rằng các nhà đầu tư Singapore bị thu hút bởi sự ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế nhanh và thị trường lao động cạnh tranh của Việt Nam. Các khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) là minh chứng điển hình cho sự thành công của hợp tác đầu tư giữa hai nước, tập trung vào phát triển hạ tầng công nghiệp hiện đại và thu hút các dự án chế biến chế tạo.

4. Phân tích và Thảo luận

4.1. Thực trạng dòng vốn FDI từ Singapore vào ngành chế biến chế tạo Việt Nam giai đoạn 2019-2023

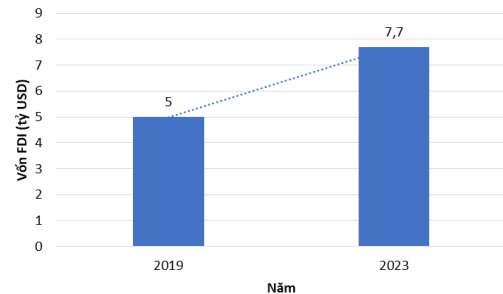
Kể từ khi CPTPP có hiệu lực, dòng vốn FDI từ Singapore vào ngành chế biến chế tạo Việt Nam đã có những chuyển biến đáng chú ý.

Dữ liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy một sự tăng trưởng mạnh mẽ. Từ năm 2019 đến 2023, tổng vốn FDI đăng ký từ Singapore vào lĩnh vực chế biến chế tạo đã tăng 54%, đạt 7,7 tỷ USD vào năm 2023. Điều này cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng của các nhà đầu tư Singapore đối với tiềm năng của ngành này tại Việt Nam trong bối cảnh CPTPP. Tỷ trọng vốn Singapore trong tổng FDI vào ngành chế biến chế tạo của Việt Nam cũng tăng từ 18,7% năm 2019 lên 24,3% năm 2023, khẳng định vị thế của Singapore là một trong những nhà đầu tư chủ chốt. Đáng chú ý, Singapore chiếm tới 67% tổng vốn FDI từ khối CPTPP vào Việt Nam trong giai đoạn 2019-2023 (xem Statista (2024) và Vietcetera (2023)), cho thấy vai trò tiên phong của quốc đảo này trong việc tận dụng các cơ hội từ hiệp định.

Dòng vốn FDI từ Singapore không chỉ tăng về lượng mà còn có sự dịch chuyển về chất, tập trung vào các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao hơn. Các dự án quy mô lớn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực điện tử - viễn thông (chiếm 42% tổng vốn đầu tư của Singapore vào chế biến chế tạo), hóa chất cao cấp (23%), và cơ khí chính xác (15%) (xem Vietcetera (2023)). Sự tập trung này phù hợp với định hướng của Việt Nam trong

việc thu hút FDI chất lượng cao và nâng cấp vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Hình 1. Vốn FDI Đăng Ký từ Singapore vào ngành chế biến chế tạo Việt Nam (2019 & 2023)



Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Thống kê, 2024

Một đặc điểm nổi bật là sự gia tăng của các dự án có quy mô lớn và áp dụng công nghệ hiện đại. Theo thống kê, 78% các dự án từ Singapore có vốn đầu tư trên 100 triệu USD trong giai đoạn này đã áp dụng công nghệ tự động hóa ở mức độ cao. Các tập đoàn lớn của Singapore như Sembcorp, Keppel, và Mapletree đã và đang tiếp tục mở rộng đầu tư, xây dựng các hệ sinh thái công nghiệp liên hoàn và các khu công nghiệp đặc thù tại các tỉnh trọng điểm như Bình Dương, Đồng Nai và Hải Phòng (xem Vietcetera (2023)). Những khu công nghiệp này không chỉ cung cấp hạ tầng hiện đại mà còn hướng tới mô hình “nhà máy thông minh 4.0”, với mức đầu tư trung bình cho hạ tầng công nghệ cao hơn đáng kể so với các khu công nghiệp truyền thống.

5. Thách thức và hạn chế

Mặc dù CPTPP mang lại nhiều cơ hội, Việt Nam và các nhà đầu tư Singapore vẫn đối mặt với không ít thách thức trong quá trình hiện thực hóa các tiềm năng này.

Thứ nhất là rào cản kỹ thuật và cạnh tranh.

Mặc dù CPTPP tạo điều kiện tiếp cận thị trường, khoảng 35% doanh nghiệp Singapore vẫn gặp khó khăn với các quy chuẩn kỹ thuật mang tính địa phương hóa cao tại Việt Nam (xem Vietcetera (2023)). Sự chồng chéo, đôi khi là mâu thuẫn, giữa các tiêu chuẩn của CPTPP và quy định kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ (SPS), rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Việt Nam có thể làm tăng chi phí tuân thủ. Ước tính, sự thiếu hài hòa này có thể làm tăng tới 18% chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần nhanh chóng rà soát, hài hòa hóa hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với các chuẩn mực quốc tế mà CPTPP đề ra.

Thứ hai là năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam. Trong khi các doanh nghiệp FDI Singapore mang đến công nghệ tiên tiến, năng lực hấp thụ công nghệ của nhiều doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), còn hạn chế. Điều này cản trở quá trình lan tỏa công nghệ và hạn chế khả năng các doanh nghiệp Việt tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị do các tập đoàn Singapore dẫn dắt. Thiếu vốn, thiếu nhân lực có trình độ cao và hạn chế về năng lực quản trị là những rào cản chính.

Thứ ba là hạ tầng logistics và kết nối. Mặc dù đã có nhiều cải thiện, hạ tầng logistics của Việt Nam, bao gồm cảng biển, đường bộ, kho bãi và các dịch vụ logistics, vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của một trung tâm sản xuất và xuất khẩu hiện đại, đặc biệt là trong bối cảnh CPTPP thúc đẩy các chuỗi cung ứng phức tạp hơn. Chi phí logistics ở Việt Nam vẫn còn tương đối cao so với các nước trong khu vực, ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của hàng hóa.

Thứ tư là chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng hoàn toàn. Dù đã có những nỗ lực trong đào tạo, tình trạng thiếu hụt lao động có kỹ năng cao, đặc biệt là kỹ sư, kỹ thuật viên và nhà quản lý có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và vận hành công nghệ hiện đại, vẫn là một thách thức. Sự không tương thích giữa chương trình đào tạo và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp cũng là một vấn đề cần giải quyết.

6. Khuyến nghị chính sách

Để tối đa hóa lợi ích từ CPTPP và thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao từ Singapore cũng như các đối tác khác, Việt Nam cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau (xem thêm Tổng Thị Chúc An, 2024).

(i) Hoàn thiện khung pháp lý và thể chế:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật trong nước cho phù hợp với các cam kết trong CPTPP, đặc biệt là các quy định về đầu tư, kinh doanh, sở hữu trí tuệ, và giải quyết tranh chấp.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thực sự minh bạch, công bằng và có tính dự đoán cao.

- Nhanh chóng hài hòa hóa hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (TBT, SPS) với các chuẩn mực quốc tế được công nhận rộng rãi, giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

(ii) Phát triển hạ tầng đồng bộ và hiện đại:

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông kết nối (đường bộ, đường sắt, cảng biển, cảng hàng không) và hạ tầng logistics (trung tâm logistics, kho bãi thông minh).

- Khuyến khích đầu tư vào hạ tầng số, năng lượng sạch và tái tạo để đáp ứng yêu cầu của các dự án công nghệ cao và sản xuất bền vững.

(iii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Đổi mới mạnh mẽ chương trình giáo dục và đào tạo nghề, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động và các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Khuyến khích và hỗ trợ các chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục Việt Nam và các đối tác nước ngoài, bao gồm Singapore, để tiếp thu các chương trình và phương pháp đào tạo tiên tiến.

- Chú trọng đào tạo ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cho người lao động.

(iv) Tăng cường năng lực cho doanh nghiệp trong nước:

- Triển khai các chương trình hỗ trợ cụ thể để nâng cao năng lực quản trị, công nghệ, và khả năng tiếp cận tài chính cho các DNNVV Việt Nam.

- Thúc đẩy các hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng yêu cầu của thị trường CPTPP.

Tài liệu tham khảo:

- Statista (2024). Value of registered foreign direct investment (FDI) from Singapore to Vietnam from 2019 to 2023.
- Vietcetera (2023). Vietnam FDI in 2022: Biggest investors and top recipients. Ngô Thị Tuyết Mai, Tô Hạnh Trang & Hoàng Linh Giang (2023). Tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Khoa học xã hội Việt Nam, số 6. Tr. 60-69. DOI: 10.56794/KHXHV.N.6(186).60-69.
- Tổng Thị Chúc An (2024). CPTPP và sự tham gia của Việt Nam - Giải pháp thúc đẩy hợp tác. Tạp chí Công Thương.
- Trần Sơn (2024). Thu hút FDI từ khối các nước CPTPP ngày càng khả quan hơn. Báo Pháp luật Việt Nam.
- Baldwin, R. E. (1993). A Domino Theory of Regionalism. NBER Working Paper No. 4465.
- CIEM - Central Institute for Economic Management. (2019). Vietnam's Economy in the Context of CPTPP Implementation: Opportunities, Challenges and Policy Recommendations. Hanoi.
- Dunning, J. H. (1977). Trade, location of economic activity and MNE: A search for an eclectic approach. In B. Ohlin, P. O. Hesselborn, & P. M. Wijkman (Eds.), The international allocation of economic activity (pp. 395-418). London: Macmillan.
- Dunning, J. H. & Lundan S. M. (2008). Multinational Enterprises and the Global Economy. MPG Books Ltd, Bodmin, Cornwall.
- Gounder, A.; Falvey, R. & Rajaguru, G. (2019). The Effects of Preferential Trade Agreements on Foreign Direct Investment: Evidence from the African Caribbean Pacific Region, Open Economies Review, Springer, vol. 30(4), pages 695-717, September.
- Petri, P. A., & Plummer, M. G. (2016). The Economic Effects of the Trans-Pacific Partnership: New Estimates. Peterson Institute for International Economics Working Paper 16-2.
- Trần Thị Mai Thanh; Vũ Ba Duy; Lương Minh Ngọc; Nguyễn Thanh Thảo & Dương Thị Thu (2024). Comparative analysis of the impacts of CPTPP and EVFTA on Vietnam's textile export activities. VNU Journal of Economics and Business, Vol. 4, No. 2 (2024) 23-34.
- UNCTAD (2006). Investment Provisions in Economic Integration Agreements. New York and Geneva: United Nations.

*** Lốp niên chế: CQ60/11.02CLC - Học viện Tài chính